

Phương pháp dạy học kĩ năng nói tiếng Anh cho sinh viên Trường Đại học Điện lực

Trần Thị Thanh Phương

Trường Đại học Điện lực
235, Hoàng Quốc Việt, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Email: ttp1975@gmail.com

TÓM TẮT: *Kĩ năng nói tiếng Anh là một trong những kĩ năng ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng nhất, đặc biệt là trong môi trường giao tiếp. Mặc dù trong nhiều năm, việc dạy nói đã bị đánh giá thấp và giáo viên dạy tiếng Anh vẫn tiếp tục dạy nói như một sự lặp lại của cuộc tập trận hoặc ghi nhớ các cuộc đối thoại. Thế giới ngày nay đòi hỏi mục tiêu dạy nói phải cải thiện kĩ năng giao tiếp của sinh viên, bởi vì chỉ bằng cách đó, sinh viên có thể thể hiện bản thân và học cách tuân theo các quy tắc văn hóa và xã hội phù hợp trong từng hoàn cảnh giao tiếp. Tuy nhiên, kĩ năng nói của sinh viên nói chung và của sinh viên các khối ngành kĩ thuật và kinh tế của Trường Đại học Điện lực nói riêng và các trường đại học nói chung còn rất nhiều hạn chế. Để góp phần khắc phục những nhược điểm này, trong phạm vi bài báo, tác giả tìm hiểu thực trạng của việc giảng dạy của giảng viên, việc học tập kĩ năng nói tiếng Anh của sinh viên và đưa ra một số gợi ý về phương pháp dạy học kĩ năng nói nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Anh trong nhà trường.*

TỪ KHÓA: Phương pháp dạy học; kĩ năng nói tiếng Anh; Trường Đại học Điện lực.

→ Nhận bài 26/01/2019 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/02/2019 → Duyệt đăng 25/02/2019.

1. Đặt vấn đề

Trong thực tế giao tiếp, dù bằng tiếng mẹ đẻ hay bằng ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh (TA) nói riêng, chúng ta thường hay gặp những tình huống giao tiếp không thành công, gọi là “communication breakdown”. Lúc đó, chúng ta thường phải viện đến chiến lược giao tiếp (communication strategies). Chiến lược giao tiếp là một hệ thống kĩ thuật do người nói sử dụng để diễn đạt ý của mình khi gặp khó khăn, đó là quan hệ giữa mục đích và phương tiện. Một quy trình dạy nói thành công là quy trình huấn luyện được cho người học những kĩ thuật phát huy các chiến lược giao tiếp, tiến tới tiếp cận với chuẩn bản ngữ. Trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, TA trở thành một phương tiện thật sự quan trọng và cần thiết. Một ứng cử viên khi xin việc có trình độ chuyên môn vững vàng và có trình độ TA sử dụng lưu loát luôn tạo được ấn tượng tốt đối với nhà tuyển dụng trong thị trường lao động. Kĩ năng (KN) TA tốt giúp ứng viên có cơ hội, ưu thế vượt trội nhiều hơn trong công việc so với những người có cùng trình độ chuyên môn. Thực tế cuộc sống xã hội cho thấy, người giao tiếp thường bị đánh giá qua lời ăn tiếng nói. Nó là một phương tiện “bậc nhất” tạo ra được sự cảm thông của xã hội, sự xếp loại đẳng cấp, sự bộc lộ nghề nghiệp và giới hoạt động của mình. Tuy nhiên, thực trạng giao tiếp và sử dụng TA của sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp, đặc biệt là KN nói còn nhiều hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu của nhiều nhà tuyển dụng. Thực trạng này cũng đã được đề cập rất nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng và nhiều nhà nghiên cứu quan tâm trong thời gian gần đây. Hầu hết SV đã được học TA khá nhiều năm và từ rất sớm ở Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Đại học nhưng vẫn

chưa đạt được mục đích giao tiếp và KN ngôn ngữ cần thiết. Nhiều giáo viên (GV) thường không quan tâm đến dạy nói vì họ cho rằng “nói thế nào người bản ngữ cũng hiểu được” - một cách nghĩ làm cho KN nói trở thành một KN bị đánh giá thấp (undervalued skill). Trên thực tế, sự thiếu quan tâm đến KN nói có thể do quan niệm cho rằng nói mang tính nhất thời (transient), ứng biến (improvised), do đó nó hơi hợt (facile), nông cạn (superficial), hoặc chỉ thể hiện sự lém lỉnh (grip) của mình.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi đưa ra khái niệm, tìm hiểu thực trạng dạy học KN nói TA cho SV năm thứ nhất của Trường Đại học Điện lực và gợi ý một số phương pháp dạy KN nói TA nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của môn học này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Khả năng sử dụng tiếng nói để bày tỏ và trao đổi tư tưởng là KN quan trọng nhất để một cá nhân thành công trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. **Tiếng nói** là những gì do một cá nhân phát âm để bày tỏ và trao đổi tư tưởng. Nói là “quá trình xây dựng và chia sẻ ý nghĩa thông qua việc sử dụng các biểu tượng bằng lời nói và phi ngôn ngữ, trong nhiều ngữ cảnh khác nhau” (Chaney, 1998, tr.13). Có nhiều định nghĩa và khái niệm về dạy nói, theo tác giả “Dạy nói” có nghĩa là gì để dạy người học TA, gồm các hoạt động dưới đây: Sản xuất âm thanh lời nói TA và các mẫu âm thanh; Sử dụng trọng âm của từ và câu, mẫu ngữ điệu và nhịp điệu của ngôn ngữ thứ hai; Chọn từ và câu thích hợp theo bối cảnh xã hội, đối tượng, tình huống và chủ đề phù hợp; Sắp xếp suy nghĩ của họ theo một chuỗi có ý nghĩa và hợp lí; Sử

dụng ngôn ngữ như một phương tiện để thể hiện các giá trị và phán đoán; Sử dụng ngôn ngữ một cách nhanh chóng và tự tin với một vài lần tạm dừng không tự nhiên, được gọi là trôi chảy (Nunan, 2003).

Chúng ta thấy rằng, “Nói” là một hành động tạo ra âm thanh. Nói có nghĩa là trò chuyện, hoặc thể hiện suy nghĩ và cảm xúc của một người bằng ngôn ngữ nói. KN nói là KN cho chúng ta khả năng giao tiếp hiệu quả, nói bất cứ lúc nào và trong mọi tình huống. Khi nói đến KN nói, bạn sẽ là ai? Bạn làm nghề gì? Bạn nói với ai? Và giáo dục - bạn cần sử dụng ngôn ngữ của mình, bạn cần KN nói. Nếu bạn muốn hòa đồng, có kết nối tốt với bạn bè, chuyển phương tiện của bạn cho người khác và cố gắng tạo ấn tượng tốt để họ thích nói chuyện với bạn, bạn phải biết mọi thứ về KN nói. Đầu tiên, bạn phải cải thiện sức mạnh bằng lời nói của bạn. Bạn phải sử dụng các kỹ thuật và thực hành nơi công cộng. Bạn phải biết người mà bạn đang nói chuyện và khiến họ thích thú để bạn có thể đạt được mục tiêu theo cách bạn muốn. Nếu ai đó biết các KN nói, điều đó không có nghĩa là người ấy là một diễn giả, giảng viên hay nhà đàm phán giỏi. Nếu ai đó có KN tốt để nói/giao tiếp, người đó có một nền tảng tốt để trở thành một giảng viên, nhà đàm phán hoặc giáo viên giỏi.

KN nói là một chủ đề rộng lớn, dưới đây là một số ứng dụng/sử dụng các KN nói của nó:

- Nói trước công chúng;
- Người dẫn chương trình truyền hình và diễn giả;
- Tư vấn viên và nhà tâm lý học;
- Luật sư bào chữa và trình bày lý do (Thẩm phán);
- Đề phỏng vấn và giới thiệu bản thân;
- Phỏng vấn việc làm;
- Sử dụng nó để có được những gì là hợp pháp của bạn.

Một số người dạy các KN đơn giản để có một giọng nói lớn và nghĩ rằng đủ, vì nhiều người có giọng hát hay, nhưng họ không có cách cư xử đúng mực. Tóm lại, KN nói là về một số kỹ thuật có thể làm cho giọng nói của chúng ta rõ ràng, to và hấp dẫn để trình bày nội dung có giá trị và hữu ích.

2.2. Thực trạng dạy học kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên Trường Đại học Điện lực

Trường Đại học Điện lực là một trường đặc thù về kỹ thuật, chuyên đào tạo SV các ngành như: Hệ thống điện, Điện dân dụng, Điện hạt nhân, Cơ khí, Tin học... Ngoài ra, trường còn đào tạo chuyên ngành cho khối Kinh tế như: Tài chính ngân hàng, Kế toán, Quản trị doanh nghiệp... Nhu cầu về TA là cần thiết trong công việc chuyên môn cũng như giao tiếp. Nếu SV không sử dụng tiếng Anh thành thạo, họ hoàn toàn không thể diễn tả được điều gì trong giao tiếp. Tuy nhiên, qua kinh nghiệm giảng dạy, quan sát và tìm hiểu thực trạng dạy học KN nói tiếng Anh của SV năm thứ nhất tại Trường Đại học Điện lực còn chưa hiệu quả. Chúng tôi có thể liệt kê một số yếu tố khách quan và chủ quan về thực trạng năng lực và việc học tiếng Anh của SV dưới đây:

- Hầu hết SV đầu vào của Trường Đại học Điện lực có **năng lực và trình độ** TA không đồng đều và có sự khác biệt

khá lớn về năng lực TA giữa họ do SV từ các vùng miền khác nhau (miền Trung, miền Bắc, miền núi, miền biển, thành phố, nông thôn...). Thường trong một lớp học sẽ bao gồm các trình độ từ sơ cấp (gồm những SV học TA lần đầu) đến trung cấp (những SV đã học hệ đào tạo TA bảy năm). Những SV người thành phố đa phần có trình độ TA và vốn từ vựng tốt hơn so với những bạn ở các tỉnh lẻ hoặc vùng nông thôn do được tiếp cận từ nhỏ và được đầu tư hơn. Những lớp học đa trình độ như vậy sẽ gây nhiều khó khăn cho giảng viên, khiến giảng viên khó có thể quán xuyến hết tất cả SV, từ đó gây trở ngại cho cả việc dạy và học. Có những SV năm thứ nhất khi bước vào nhà trường chưa biết gì về TA, do vậy phải được đào tạo cơ bản ngay từ đầu. Bên cạnh đó, cũng không ít SV có trình độ TA cao cấp, đạt trình độ B1 khung tham chiếu Châu Âu hoặc đạt 4.0 IELTS. Vì vậy, nếu những SV này cũng được đào tạo như những SV sơ cấp sẽ rất lãng phí về tài chính và thời gian.

- Một số ngành tuy điểm xét tuyển đầu vào là khối D song kết quả môn này hiện tại cũng không được cao do không đủ thời gian để trau dồi tất cả các KN như yêu cầu của môn học tại các trường trung học phổ thông. Tình trạng học tập TA ở cấp trung học phổ thông đã dẫn đến một hệ lụy là khi bước chân vào các trường đại học, cao đẳng, nhiều SV gặp trở ngại lớn với môn học này. Chương trình học TA ở phổ thông quá nặng. Từ lớp 6 đến lớp 12 đều có 16 bài trong một năm học với những chủ đề khác nhau. Nội dung chương trình lại quá tải so với thời lượng cho phép không đủ để giáo viên truyền tải cả 4 KN đến với học sinh mà chủ yếu chỉ được học ngữ pháp, ít được rèn luyện các KN, đặc biệt là KN nói và thủ thuật sử dụng ngôn ngữ trong tình huống giao tiếp.

- Phần lớn các SV của nhà trường, đặc biệt là khối kỹ thuật khi lựa chọn khối A với các môn tự nhiên dẫn đến kết quả học TA không cao. Tình trạng chung là chất lượng vẫn còn thấp và SV còn chưa tập trung vào việc học môn TA và chưa có đam mê, **động cơ** với môn học này. Việc đào tạo TA ở các trường không chuyên thường chú trọng hơn vào TA chuyên ngành, trong khi những kiến thức cơ bản thì không nhiều SV nắm vững hết được. Do đó, SV không thể giao tiếp được do không có những kiến thức cơ bản về câu, từ. Rất nhiều SV gặp khó khăn trong khi học TA vì vốn từ vựng, cấu trúc câu hạn hẹp. Mặc dù theo kết quả khảo sát có được thì có rất nhiều người bắt đầu học TA từ cấp Tiểu học nhưng cho đến khi học đại học thì vốn từ vựng và cấu trúc câu để giao tiếp vẫn tương đối ít.

- Một thực trạng phổ biến là phần lớn **thái độ** học tập của SV học TA trong trường để đối phó với các kỳ thi, lấy điểm điều kiện để hoàn thành chương trình học, chưa có chiến lược học tập môn TA. Tâm lý chung của cả giảng viên và SV là xem môn học này như một môn điều kiện, một môn phụ nên ít đầu tư, quan tâm thực sự cho giảng dạy, học tập. SV còn phụ thuộc vào giảng viên. Điều đó lý giải tình trạng lượng SV thi lại, học lại môn TA ở các trường là rất lớn. Như vậy, việc học TA của SV nhìn chung đang còn nhiều hạn chế và việc học nhiều khi chỉ mang tính chất đối phó

với các kì thi.

- Việc phát âm, bật âm, trọng âm, ngữ điệu của SV còn chưa chuẩn, thậm chí cả những từ đơn giản. Giờ thực hành nói còn ít, các hoạt động theo cặp, nhóm chưa tích cực.

- Kết quả TA của SV tại Trường Đại học Điện lực thường không cao do sự khác biệt về mô hình đào tạo theo tín chỉ: Thời lượng/khối lượng đào tạo môn học TA còn hạn chế (105 tiết cho TA cơ bản), giáo trình, phân phối chương trình và hình thức học tập, hình thức thi và đánh giá kết quả có nhiều đổi mới, yêu cầu cao hơn và khác với chương trình trung học phổ thông.

- Một điều có thể dễ dàng nhận thấy rằng đa số giảng viên dành nhiều thời gian cho lí thuyết, ngữ pháp nhiều hơn là thực hành giao tiếp và KN nói. Giảng viên cũng ít áp dụng các phương pháp và thủ thuật giảng dạy và kiểm tra sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp trong bài học.

- Thực trạng cơ sở vật chất, trang thiết bị và các phương tiện hỗ trợ dạy TA chưa đáp ứng đầy đủ để giúp các giảng viên dạy SV cách giao tiếp và KN nói, cách phát âm, trọng âm của từ và câu, thông qua hình ảnh, video một cách sinh động, hấp dẫn và hiệu quả hơn.

- Thực trạng về lớp học TA quá đông, dẫn đến việc tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra KN nói cho SV gặp nhiều khó khăn, giảng viên khó triển khai được các hoạt động trò chơi, chia nhóm...

- Cách học giao tiếp của SV chủ yếu là ghi chép lại các từ vựng, cấu trúc và tình huống nhưng chưa đem lại hiệu quả cho việc ghi nhớ và giao tiếp. Về lí thuyết, SV phải có một vốn từ vựng ở mức độ cơ bản, khoảng 500 từ thông dụng nhất, được học trọng âm, phát âm, ngữ điệu.... nhưng qua thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy, SV của Trường Đại học Điện lực có vốn từ còn hạn chế, chưa có thủ thuật phát âm, trọng âm.... Và kết quả là khi gọi phát biểu hay kiểm tra miệng, các em đều không diễn đạt được ý tưởng của mình. Do vậy, kết quả kiểm tra KN nói không cao. SV không thể nói được một câu hoàn chỉnh, kể cả những câu rất đơn giản.

- Có thể nhận thấy sự đáng lo ngại đối với tình trạng học đào tạo TA ở các trường đại học không chuyên ngữ hiện nay ở nước ta nói chung và Trường Đại học Điện lực nói riêng là việc SV học TA nhưng không thể sử dụng và dùng nó làm “công cụ” để thuyết phục các nhà tuyển dụng đang là một thực trạng chung. SV ra trường có việc làm sử dụng được TA giao tiếp theo tình huống và chuyên ngành thì hầu như không có.

Từ những thực trạng trên dẫn đến việc học TA, đặc biệt là KN nói của SV chưa hiệu quả. Dưới đây chúng tôi gợi ý một số phương pháp dạy học KN nói TA nhằm nâng cao khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thành thạo và hiệu quả hơn.

2.3. Gợi ý một số phương pháp dạy học kĩ năng nói tiếng Anh cho sinh viên tại Trường Đại học Điện lực

TA được xem là ngôn ngữ thứ hai được phổ biến sau ngôn ngữ mẹ đẻ và nó được dùng giao tiếp trong nhiều lĩnh vực khác nhau. KN nói là một trong những KN giao tiếp giữa

người nói và người nghe. Dạy học KN nói và giao tiếp TA đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và sử dụng ngôn ngữ quốc tế này. Trong học tập và rèn luyện KN ngôn ngữ như nghe, nói, đọc và viết, từ vựng giúp người học hiểu được hầu hết các thông tin được truyền đạt qua các bài đọc, các bài nghe cũng như qua giao tiếp với người khác bằng TA. Việc sử dụng thành thạo và lưu loát chủ yếu phụ thuộc vào việc tập luyện, yếu tố căn bản vẫn là các đơn vị nghĩa như từ, cụm từ và cấu trúc câu. Dạy học KN nói luôn là yếu tố quan trọng hàng đầu khi học một ngôn ngữ nói chung, TA nói riêng. Nhận thức về những nguyên nhân, tình trạng học KN nói TA của SV tại Trường Đại học Điện lực hiện nay, chúng tôi gợi ý một số phương pháp và thủ thuật dạy học dưới đây nhằm đổi mới phù hợp hơn và nâng cao khả năng nói và giao tiếp ngôn ngữ TA để có thể đạt kết quả tốt trong các kì thi, đồng thời tự tin hơn trong giao tiếp cho SV đang học và sau khi tốt nghiệp.

Nhiều giảng viên chuyên môn, ngay cả các giáo viên dạy TA cho rằng, dạy một lớp đàm thoại/nói TA, họ thường nói rằng nó nghe có vẻ thư giãn, vui vẻ hoặc dễ dàng. Thực tế việc dạy học KN nói TA mặc dù có thể rất vui nhưng hầu như không bao giờ là thư giãn và dễ dàng. Để tiến hành dạy nói, người giảng viên cần có sự chuẩn bị ở hai bình diện cơ bản: chuyên môn và tổ chức. Về mặt tổ chức, giảng viên cần có những biện pháp đưa SV vào hoạt động đôi (pair work), nhóm (group work), đồng thanh (chorus work), và cả lớp (whole-class work) nhằm tăng cường điều kiện giao tiếp. Đối với một số lớp hiện đại, giảng viên còn phải quan tâm đến sự linh hoạt khi bố trí bàn ghế trong lớp học (vị trí bàn ghế có thể thay đổi theo loại hình bài tập). Về mặt chuyên môn, người giảng viên cần có những thủ thuật đưa SV vào hoạt động nói (độc thoại và đối thoại) một cách thoải mái và tự nhiên, tránh đẩy họ vào những tình huống khó xử, lúng túng. Trước những hoạt động KN ấy, giảng viên phải sử dụng sách giáo khoa/giáo trình để cung cấp cho SV những kiến thức ngôn ngữ học cần cho việc giao tiếp theo chủ đề: phát âm, từ vựng và ngữ pháp. Để chuẩn bị cho một bài dạy nói giảng viên cần có trong tay: Chủ đề (topic); Từ vựng (lexical units); Ngữ pháp (structures); Chức năng giao tiếp (functions); Kỹ thuật (teaching techniques).

Trong lớp học, dạy nói bao hàm một loạt các hoạt động, từ những hoạt động phức tạp như đối đáp, đến những bài tập đơn giản, cơ học như nhắc lại một phát ngôn. Phương pháp hiện đại quan tâm đến những yếu tố cơ bản của một lớp dạy nói như: Sự tương tác thầy - trò (teacher – learner interaction); Sự tương tác trò – trò (learner – learner interaction); Các hoạt động trao đổi tìm nghĩa (negotiation tasks); Sửa lỗi (error corrections); Ngôn ngữ dùng để trao đổi tìm nghĩa (negotiation language).

Một số nguyên tắc cơ bản của việc dạy KN nói gồm: Tập trung vào giao tiếp (communication) và lưu loát (fluency), không chính xác (not correctness); Đặt nền móng (Lay the groundwork); SV hướng dẫn: SV lựa chọn chủ đề (Student directed: student choice of topics); Làm việc theo nhóm / cặp nhỏ (Small group/pair work); Khuyến khích SV luân

chuyển đổi tác/người nói (Encourage students to rotate partners); Dạy SV chiến lược (Teach students strategies); Dạy từ vựng (Teach vocabulary); Dạy cả KN đàm thoại chính thức và không chính thức (Teach both formal and informal conversation skills); Chăm điểm/phân loại mức độ tham gia và hiểu biết về cuộc trò chuyện, đánh giá không chính thức (Grade on degree of participation and understanding of conversation, assess informally).

Dưới đây, chúng tôi gợi ý một số kỹ thuật/thủ thuật/phương pháp dạy KN nói cho SV tại Trường Đại học Điện lực. Hầu hết các kỹ thuật có chung mục đích, ý nghĩa và tác dụng là tạo ra cho người học một năng lực sử dụng tiếng, nâng cao phản xạ, tăng cường khả năng nói trôi chảy (fluency), biểu đạt/điển đạt, trình bày ý tưởng đúng ý mình muốn một cách rõ ràng, gãy gọn (clarify), dễ dàng cảm thụ được ngữ điệu Anh, và tăng cường lối nói, tư duy bản ngữ trong người học (think in English), bao gồm các kỹ thuật sau: Luyện âm (Pronunciation Practice); Phỏng vấn (Interviews); Vấn đáp (Q & A: Question and Answer); Đóng vai giao tiếp (Role-Play); Phương pháp dạy học bằng tình huống (Use situations); Phương pháp thảo luận (Discussions); Tổng hợp kỹ thuật dạy một bài hội thoại (Teaching a conversation); Điền thông tin vào chỗ trống (Information Gap); Động não (Brainstorming); Bình giải (Explain & Comment); Tường thuật (Narrating); Mô tả hình ảnh (Picture Describing); Kể chuyện (Storytelling); Hoàn thành câu chuyện (Story Completion); Kỹ thuật xây dựng câu chuyện nhỏ (Small Talk); Kể chuyện bằng tranh (Picture strip); Tìm sự khác biệt (Find the Difference); Báo cáo (Reporting); Chơi bài (Playing Cards); Tập điều tra (Class Survey); So sánh văn hóa (Culture Comparison); Nói gì? (What to say?); Mô phỏng (Simulations); Phương pháp dạy học trực quan (Use objects); Phương pháp nghe - nhìn (Audio Lingual Method); Phương pháp trực tiếp (Direct Method); Phương pháp ngữ pháp - phiên dịch (Grammar-Translation method); Phương pháp từ ngữ - phiên dịch (Vocabulary-Translation method); Phương pháp chương trình hoá (Task-Based Method).

Các giảng viên có thể lựa chọn một trong những phương pháp trên hoặc có thể kết hợp các phương pháp trong cùng một giờ và nội dung bài giảng, tùy thuộc vào đối tượng, mục tiêu và lực học của SV. Ngoài những gợi ý trên, để có thể nâng cao hiệu quả dạy học KN nói TA thì cần sự hỗ trợ và kết hợp của nhà trường, Đoàn Thanh niên và các cấp lãnh đạo Khoa Ngoại ngữ, Phòng/Ban/Đơn vị, Bộ môn TA, các giảng viên và SV như sau:

Nhà trường:

Quan tâm đầu tư hơn nữa cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ, hỗ trợ dạy học TA, có phòng lab để dạy học TA đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Thực hiện quy mô lớp nhỏ (30-35 SV/lớp) để SV có nhiều cơ hội thực hành giao tiếp hơn nữa.

Thực hiện chia lớp theo trình độ để SV không có tâm lý e ngại khi nói trước công chúng.

Có cơ chế khuyến khích (văn bản, chính sách, hỗ trợ học tập bồi dưỡng của giảng viên, SV)

Tăng số lượng tín chỉ môn TA trong chương trình chính khóa;

Nhà trường kết hợp cùng với Đoàn Thanh niên tổ chức nhiều cuộc giao lưu giữa SV trong và ngoài trường với SV quốc tế nhằm tạo môi trường giao tiếp thường xuyên cho SV, tránh để xảy ra việc kiến thức chỉ nằm lại trên bài thi, không sử dụng thực tế, như: tổ chức nhiều chương trình, nhiều cuộc thi liên quan đến TA.

Tổ chức giao lưu với đại diện các doanh nghiệp để SV có cơ hội tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng để từ đó giúp SV định hướng được việc học của mình.

Khoa Ngoại ngữ và Bộ môn TA:

Tăng cường hội thảo, họp chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp dạy KN Nói

Thành lập câu lạc bộ TA cho SV hoặc cố vấn học tập môn TA.

Mở trang web chuyên đăng các bài báo, công trình khoa học về các phương pháp dạy học TA, các bài học TA theo tình huống/chủ đề giúp SV có thêm kiến thức và yêu thích TA.

Bộ môn TA phối hợp với các giảng viên và SV hoặc hướng dẫn SV thiết kế sổ tay Giao tiếp TA để thống kê những từ vựng, cấu trúc có tần số sử dụng cao để không những tiết kiệm thời gian học của SV mà còn giúp SV nâng cao hiệu quả sử dụng ngôn ngữ chính xác.

Giảng viên:

Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực kết hợp với các thiết bị dạy học đa phương tiện.

Áp dụng các thủ thuật dạy học cho từng đối tượng SV, thiết kế nhiều hoạt động khác nhau theo mức độ khó tăng dần và phù hợp với từng nhóm SV.

Chia sẻ các tài liệu tham khảo, trang web về học nói TA hiệu quả.

Không gây áp lực học cho SV yếu, SV lười. Khuyến khích để SV tự giác học.

Hướng dẫn, tư vấn cho SV phương pháp tự học giao tiếp hiệu quả, cảm thấy hứng thú hơn trong việc học TA (cách soạn bài, cách học từ vựng, vận dụng từ mới theo tình huống, học cách phát âm, trọng âm, sử dụng cấu trúc, sắp xếp từ và ý tưởng...).

Giảng viên nên tìm hiểu mong muốn, nhu cầu, động cơ, thái độ, chiến lược và phong cách học tập của mỗi SV để giúp SV đánh giá đúng đắn sự cần thiết của TA cho tương lai, từ đó có những chiến lược dạy học phù hợp khuyến khích SV học giao tiếp theo tình huống hiệu quả, SV có thể xác định được mục tiêu của mình.

Khuyến khích SV nói, điển đạt ý tưởng TA trong giờ học, tạo sự tự tin khi giao tiếp.

Đánh giá đúng thực lực của SV để từ đó làm căn cứ đưa ra yêu cầu phù hợp.

Có chế độ thưởng phạt công bằng kích thích cố gắng và sự tiến bộ của SV.

Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn để có kiến thức, kinh nghiệm và vốn từ phong phú giúp SV học KN nói TA tốt hơn.

SV:

Xác định cho mình một động cơ, thái độ học tập đúng đắn, chiến lược học phù hợp để nâng cao chất lượng học.

Nhằm sử dụng ngôn ngữ theo tình huống chính xác hơn khi giao tiếp, diễn đạt ý kiến bằng TA cũng như dễ dàng làm các bài tập nói, bài tập về phát âm và trọng âm khi thi cử, SV có thể lựa chọn ngôn ngữ để học từ theo nghĩa Anh - Anh để nâng cao khả năng đọc hiểu hoặc học theo nghĩa Anh - Việt (nghĩa của từ và ví dụ được dịch ra tiếng Việt).

Áp dụng đúng phương pháp học KN nói TA thì SV sẽ rút ngắn được thời gian học tập của mình và hiệu quả hơn, phù hợp với yêu cầu đổi mới.

SV cần lên kế hoạch, lộ trình thực hành nói TA theo từng chủ đề. Tăng cường sử dụng TA ở không gian, thời gian và đối tượng bất kì khi có thể, tạo phản ứng nhanh nhạy.

Tích cực tham gia vào các hoạt động tại lớp; tận dụng thời gian ở lớp để thực hành giao tiếp với các bạn cùng lớp, hạn chế các hoạt động viết.

Tạo thói quen tư duy bằng TA, hạn chế việc chuyển đổi ý tưởng từ tiếng Việt sang TA.

Luyện tập phát âm chuẩn, nói lưu loát. Đây chính là một trong những yếu tố quyết định sự tự tin của người học.

Xem video, phim, nghe và thực hành bài hát TA giúp SV tăng khả năng phát âm, phản xạ và sử dụng ngôn ngữ tốt hơn.

3. Kết luận

TA đóng vai trò then chốt trong học tập môn học của SV nói chung đạt kết quả cao. Dạy học KN nói TA tại Trường Đại học Điện lực là một phần không thể thiếu của SV trong việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp và trong chuyên môn ngành kỹ thuật, đặc biệt là chuyên ngành Điện. Giao tiếp TA chính là chìa khoá nắm giữ ý nghĩa câu từ bạn nói, tư tưởng của bạn, quan điểm của bạn. Nói cách khác, sử dụng ngôn ngữ TA đóng một vai trò quan trọng, là nền móng cho hệ thống ngôn ngữ phong phú của bạn. Trong bài viết này, chúng tôi đã đưa ra khái niệm, tìm hiểu thực trạng và gợi ý một số phương pháp, thủ thuật dạy học KN nói TA cho SV trong Trường Đại học Điện lực nói riêng và các trường đại học ở Việt Nam nói chung. Ngoài các gợi ý trên, cần kết hợp nhịp nhàng giữa giảng viên và SV để việc học giao tiếp TA hiệu quả. Giảng viên cần lựa chọn phương pháp phù hợp với đối tượng để thử nghiệm, áp dụng và điều chỉnh hiệu quả. SV cần từ bỏ những thói quen học máy móc và cần tư duy sáng tạo hơn nhằm mở mang vốn từ, cấu trúc và nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp theo tình huống và theo chủ đề.

Tài liệu tham khảo

- | | |
|--|--|
| <p>[1] Bygate, Martin, (2000), <i>Speaking</i>, OUP.</p> <p>[2] Celce-Murcia, M, (2001), <i>Teaching English as a Second or Foreign Language</i> (3rd ed), Heinle & Heinle USA.</p> <p>[3] Kenworthy, Joanne, (1998), <i>Teaching English Pronunciation</i>, Longman.</p> <p>[4] Kathleen M. Bailey and Lance Savage, (1994), <i>New Ways in Teaching Speaking</i>, Pantagraph Printing, Bloomington, Illinois USA.</p> | <p>[5] O'Mally, J.M., Chamot A.U.,(1990), <i>Using Strategies in Second Language Acquisition</i>, Cambridge University Press.</p> <p>[6] Thornbury, Scott, (2006), <i>How to Teach Speaking 2nd Edition</i>. UK: Pearson Education Limited.</p> <p>[7] Nguyễn Quốc Hùng, (2016), <i>Kỹ thuật dạy tiếng Anh – Classroom Techniques in Teaching English in Vietnam</i>, NXB Hồng Đức.</p> |
|--|--|

TEACHING METHODS OF ENGLISH SPEAKING SKILLS FOR STUDENTS AT ELECTRIC POWER UNIVERSITY

Tran Thi Thanh Phuong

Electric Power University
235 Hoang Quoc Viet, Tu Liem, Hanoi, Vietnam
Email: ttpt1975@gmail.com

ABSTRACT: *English speaking skills are one of the most important language skills, especially in the communication environment. Despite its importance, for many years, teaching speaking has been undervalued and English language teachers have continued to teach speaking just as a repetition of drills or memorization of dialogues. The world today requires that the goal of teaching speaking should improve students' communicative skills, because, only in that way, students can express themselves and learn how to follow the social and cultural rules appropriate in each communicative circumstance. However, speaking skills of students in general and students of engineering and economic sectors of Electric Power University in particular and other universities in general are still very limited. In order to partly overcome these shortcomings, within the article, the author will explore the situation of teaching of lecturers and learning English speaking skills of students and give some suggestions on teaching methods of speaking skills to improve the quality of teaching English in universities.*

KEYWORDS: Teaching methods; English speaking skills; Electric Power University.